

**NGƯỜI THÁI XÂY DỰNG MIỀN TÂY BẮC
TRONG THỜI GIAN CUỐI THẾ KỶ XIII QUA XIV
SANG ĐẦU THẾ KỶ XV**

Cầm Trọng

Trải qua những bước thăng trầm của duyên cách, đất nước sinh ra không ai bảo đã có ngay cương thổ như bây giờ. Để phát triển và dẫn tới sự ổn định như hiện nay, chắc chắn lịch sử không phải chỉ dồn tập trung vào những công lao to lớn của các triều đại phong kiến trung ương tập quyền: Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần ... (X-XIV) mà còn có cả những đóng góp đa dạng không kém phần quan trọng của đồng bào các dân tộc thiểu số trong nước trong sự thống nhất quốc gia. Trong đó có sự tham gia của người Thái ở miền biên cương Tây Bắc của Tổ quốc.

Ở đây, tôi muốn nói đến quãng *thời gian từ cuối thế kỷ XIII qua thế kỷ XIV và bước vào đầu thế kỷ XV, thời gian* mà người Thái đã tự khẳng định mình trong lịch sử Việt Nam. Họ đã từng mở rộng đường biên cương phía Tây của Tổ quốc tới mức độ tối đa, ít nhất cũng gấp gần 3 lần tổng diện tích ba tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La ngày nay. Họ đã từng xây dựng được trung tâm Mường Muối (Thuận Châu) trong lịch sử dựng nước, gắn với tên tuổi của ba vị thủ lĩnh: Lò Lệt - Ngu Háu, Ta Cầm, Ta Ngần.

Sở dĩ có thể miêu tả được thời kỳ lịch sử đó vì người Thái ở nước ta đã sớm có chữ viết. Về lịch sử, có tập *Táy Pú Xóc* (những bước đường chinh chiến của cha ông), *Phanh Mường* (dựng mường) và *Quam tô mường* (kể chuyện bản mường), gồm hàng chục quyển rải rác ở nhiều địa phương khác nhau. Đây là cách ghi các sự kiện chính đã có trong đời một thủ lĩnh của *mường*, nhưng không ghi rõ thời gian. Để tiến tới sự hiểu biết, việc đầu tiên phải đưa các sự kiện vào thời gian lịch sử tương đối sát, có thể khả dĩ chấp nhận được.

I. VỀ THỜI LÒ LỆT - NGU HÁU

Chuỗi thời gian *Quam tô mường* giành cho vị đứng đầu Mường Muối (Thuận Châu) - **Lò Lệt - Ngu Háu** được ghi: "*... Thời đó ở dưới xuôi vua Chính Hoàng [Lê hay Chiêu Hoàng... (tuỳ cuốn)] giữ ngôi; Phạ Phong Cầm trị vì đất Chiềng Đông - Chiềng Tòng*" (tên gọi kinh đô Luông Prabang thời đó - TG) ⁽¹⁾

Vậy chỉ riêng về niên đại, người viết sử đã phải đặt ra hàng loạt câu hỏi để tìm cách trả lời:

- Vua Chính Hoàng là ai?

- Có ứng với các triều đại Tiền Lê hay Hậu Lê không? Nếu là Tiền Lê hay Hậu Lê thì ứng với đời vua nào?

- Có ứng với vua bà Lý Chiêu Hoàng không? Nếu ứng với niên đại Lý Chiêu Hoàng thì tại sao lại ghi: "... *Phạ Phong Cầm trị vì đất Chiềng Đông - Chiềng Tông*" ? Bởi vì Phạ Phong Cầm tức Souvana Khămphông làm vua nước Lào ở đầu thế kỷ XIV; còn vua bà Lý Chiêu Hoàng lại ứng vào năm 1225 tức đầu thế kỷ XIII?

Để giải đáp chính xác các câu hỏi trên đây, cần xác định lại:

Chính Hoàng là tên, đọc từ chữ Thái Đen cổ viết bằng bút nhỏ, mực tàu trên giấy dương. Trong đó chữ **no** (n) viết hoàn toàn giống chữ **mo** (m). Nếu **no** (n hoặc **mo** (m) được người cầm bút quá tay nâng cao và vuốt dài đuôi chữ về phía trước thì lại trở thành chữ **cho** (ch hay tr) - **cho** + **i** (ki) + **ngo** → **chinh** và có thể đọc thành: **chính** hoặc **chĩnh** vì chữ Thái cổ không có dấu thanh. Năm 1961, khi dịch các bản *Quam tô mương* sang tiếng Việt để in thành cuốn: *Tư liệu về lịch sử xã hội dân tộc Thái* do Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) có các cộng sự Khả Văn Tiến, Tông Kim Ân cùng hoàn thành bản thảo, tôi đã chọn chữ **chính** - *Chính Hoàng*. Nay sau nhiều năm đối chiếu khớp lại các nguồn sử liệu từ các văn bản Việt Ngữ, tôi đã phát hiện được chỗ nhầm lẫn năm xưa. Sau khi loại được khả năng viết phụ âm đầu là **no** ↑ để đọc thành *ninh* ↑, *ninh* →, *ninh* ↓, tôi đã xác định chữ này có phụ âm đầu là **mo** ↑ và phát hành cụm từ *minh* ↑, **minh** →, *minh* ↓. Thời đó có lẽ người Thái ở Tây Bắc gọi nhà vua ở nước ta là **Minh Hoàng**. Thủ lĩnh Lò Lẹt - Ngu Háu ứng với thời vua Minh Hoàng ở miền xuôi tương đương với thời vua Lào Souvana Khămphông. Vậy đây cũng là tên vua Trần Minh Tông (1293-1341) không thể đẩy thủ lĩnh Lò Lẹt - Ngu Háu vào quá khứ để ứng với niên đại vua bà Lý Chiêu Hoàng (1225) được. Hơn nữa chữ Chiêu Hoàng ở đây cũng lại do một lẽ nhầm lẫn trong các văn bản cổ Thái, thường thấy chữ **ngo** phụ âm tận cùng khi ghi ghép vắn lại viết thành **vo**. Viết nhầm như thế chữ *chinh* (*chính*, *chĩnh*) lại phải đọc là *chiêu* (*chiếu*, *chiểu*). Cùng với các nguồn sử liệu khác, có thể thấy niên đại của thủ lĩnh Lò Lẹt - Ngu Háu tương đương với các đời vua: Trần Anh Tông (1293-1314), Trần Minh Tông (1314-1329) và Trần Hiến Tông (1329-1341). Như vậy trong *Quam tô mương* nếu được phép ghi thêm niên đại thì cụ chủ Lò Lẹt - Ngu Háu trị đất Mường Muối (Thuận Châu) trong khoảng 48 năm tương đương 1293-1341, trong đó có 10 năm ở Lào để con trai Con Mương tạm thay (²).

Trước thời Lò Lẹt - Ngu Háu, nhìn trên những nét tổng quát nhất, có thể miền Tây Bắc nước ta có những sự kiện lịch sử lớn như sau:

Khoảng thế kỷ thứ VIII-IX sau khi làm cuộc binh biến với các tướng Hà Nhì, La Hủ và Công, các thủ lĩnh Thái Trắng đã làm chủ Mường Lay, Mường Tè, Mường Xo ⁽³⁾. Đến khoảng thời gian trong thế kỷ XIII, dưới thời Lô Lạnh Lạt Ma, Mường Lay đã phát triển thành trung tâm các mường người Thái Trắng ở miền cực Tây Bắc nước ta. Thế kỷ XI-XII, người Thái Đen đã thực hiện cuộc di dân lớn từ Mường Lò cùng với miền thuộc lưu vực sông Thao và lưu vực sông Đà, Mã, Nậm U. Cuộc di dân được kết thúc sau khi thủ lĩnh Lạng Chượng chiếm và biến Mường Thanh thành trung tâm Thái Đen ở Tây Bắc. Thế kỷ XIII, một nhóm Thái ở Lạn Na (Thái Lan) vào Lào đã tới làm chủ và biến Mường Xang (Mộc Châu) thành trung tâm Thái Trắng ở phía Nam. Như vậy, thế kỷ XIII, miền Tây Bắc tạm phân chia thành ba vùng cát cứ.

Từ khách quan lịch sử đó, trung tâm Thái Đen chuyển từ Mường Thanh về Mường Muối (Thuận Châu). Dưới thời Lò Lẹt - Ngu Háu phạm vi ranh giới Mường Muối rất rộng lớn. So với ngày nay, nó bao gồm các huyện thuộc tỉnh Sơn La: Thuận Châu, Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu, Mường La và thị xã Sơn La.

Nhờ tài thao lược của mình, Lò Lẹt - Ngu Háu đã thu phục được lòng dân như *Quam tô mương ghi*: "... Tào Lò Lẹt lấy tên hiệu là Ngu Háu làm chủ đất Mường Muối được nhiều năm. Cụ chủ xếp đặt công việc bản mường khôn khéo. Cụ chủ chăm lo cúng trời đất, tổ tiên. Bản mường yên ổn. Dân Mường ai cũng tin ưa. Tiếng tăm cụ chủ vang khắp miền sông Đà, sông Mã. Cụ chủ còn đặt ra lệ mọi người phải lo việc học lấy con chữ Thái" ... ⁽⁴⁾

Lò Lẹt - Ngu Háu lấy nàng Pu Cắm con Lô Lạnh Lạt Ma, thủ lĩnh Mường Lay, làm vợ. Việc hôn nhân này nhằm thắt chặt quan hệ giữa Mường Muối, tiêu biểu cho ngành người Thái Đen, với Mường Lay trung tâm ngành người Thái Trắng, ở phía Bắc thời bấy giờ. Điều này được thể hiện rõ ràng trong thư Lò Lẹt thời trai trẻ gửi nàng Pu Cắm con gái thủ lĩnh Lô Lạnh - Lạt Ma, người yêu của mình:

..." Đứng tên mường để đưa nàng về dựng *Dệt mương vạy au nang ma téng*

Hai bên cùng sửa sang lại nơi chốn Muối, Lay *Xong héng xảng ton pụn Muối,* thành
một cõi hồi em yêu!" *Lay lăm điêu hặc ơi!* ⁽⁵⁾

Ở phía nam, sau khi thủ lĩnh nổi tiếng Phanha Nhọtchomcăm (Nho Cắm - QTM) di dân Thái từ Lào và Lạn Na tới cư trú đã phát triển và biến Mường Xang thành trung tâm

khu vực, bao gồm nhiều Mường nhỏ, lớn nằm rải rác khắp nơi. Nhờ được sự ủng hộ của vua Lào Souvana Khămphông, ảnh hưởng của trung tâm Mường Xang thời Phanha Nhotchomcăm bao gồm một địa bàn so với ngày nay gồm tỉnh Hua Phăn (Lào), Mai Châu, Đà Bắc (Hoà Bình). Để củng cố trung tâm Mường Muối của mình, Lò Lẹt đã tìm cách đặt nền móng quan hệ thân thiện bằng cách gả em gái của mình là nàng Ười Tươi Chăng làm vợ Nho Cầm và hai Mường Muối - Xang đã nhất trí thêm tên mới cho Mường Xang là Chăm Kiểu (Chặm Kiếu), có nghĩa là *gắn gũi bền chặt*. Tên này chỉ phổ biến một thời sau biến mất, nay chẳng còn ai nhớ nữa ⁽⁶⁾.

Như vậy, Lò Lẹt - Ngu Háu đã trở thành con rể của thủ lĩnh Mường Lay lớn và anh rể của thủ lĩnh Mường Xang lớn. Điều đó khiến cho miền Tây Bắc nước ta dần dần liên kết thành một khối.

Để đưa trung tâm Mường Muối quy thuận triều đình phong kiến Việt Nam, Lò Lẹt - Ngu Háu... *"đã cho con thứ hai của mình là Con Mương theo quan triều đình về xuôi để học lý làm người"* ⁽⁷⁾.

Trung tâm Mường Muối thời đó đang trên đường phát triển nên các bản *Quam tô mương* mới ghi sự kiện: *"... Cây thế mạnh, cụ chủ Lò Lẹt - Ngu Háu đã sai hai con là Tào Piêng, Tào Náy đem quân đến tận đất Xong Nạt Tát Te đòi cống nạp. Trái ý triều đình, nhà vua cho quân lên đánh. Cụ chủ sợ, phải chạy sang đất Chiềng Đông, Chiềng Tông (Luông Pra bang - TG) nương nhờ phạ cháu Phong Cầm (Souvana Khămphông - TG)"* ⁽⁸⁾.

Nếu chỉ dừng tại đây, có lẽ chúng ta chẳng hiểu gì về lịch sử đất nước. Bây giờ xin đối chiếu bước đầu để khả dĩ khớp với nguồn sử liệu Việt Nam và rút ra từ những căn cứ, đặng có thể suy nghĩ tới độ chính xác đáng tin cậy chăng?

*"Minh Tông thượng hoàng vừa nhường ngôi xong, thì ở mạn Đà Giang có Mường Ngưu Hống làm loạn. Thượng hoàng phải thân chinh đi đánh. Người Ngưu Hống ở trại Chiêm Chiêu đưa thư đến giả hàng. Nhưng khi đạo quân ở Thanh Hoá đó đến nơi, thì bị người ở trại ấy đổ ra đánh, phải thua chạy. Thượng hoàng đem đại binh tiến lên, thanh thế lẫy lừng, quân Ngưu Hống bỏ chạy cả vào rừng. Quân giặc tuy thua, nhưng không trừ hết được, mãi đến năm Đinh Sửu (1337) tướng nhà Trần là Hưng Hiếu vương chém được thủ đảng Ngưu Hống ở trại **Trịnh Kỳ**, thì giặc ấy mới yên..."* ⁽⁹⁾.

Đoạn ghi chép lịch sử trên đây đã giúp chúng ta đối chiếu sự kiện và tên gọi để rút ra được những hiểu biết mới như sau:

1. Về niên đại xảy ra sự kiện: Ta có thể đi từ câu: "... *Minh Tông thương hoàng vừa nhường ngôi xong...*" để biết chính xác rằng vua Trần Minh Tông nhường ngôi cho thái tử Vượng, tức Trần Hiến Tông, khi đó mới có 10 tuổi (1329-1341). Vậy Trần Minh Tông đánh Ngu Hồng vào năm 1329.

2. **Ngu Hồng** là tên gọi phiên âm ra chữ Hán, đọc theo âm Hán - Việt của Ngu Háu, danh hiệu của Lò Lệt. Theo lịch sử tâm linh của người Thái Đen ở miền Tây Bắc nước ta thì loài **rồng ở nước** là biểu tượng **mẹ tổ**. Trải qua ngàn năm lịch sử, **rồng** đã biến thành thần tượng *rắn hổ mang* tức **Ngu Háu**. Cho dù rắn này là loài sống trên cạn, nhưng người Thái Đen lại đặt nó trong sự biến thiên từ loài **rồng**, nên thần tượng **Ngu Háu** (hổ mang) vẫn không thoát ly khỏi không gian tâm linh **nước**. Có lẽ cũng từ tâm linh đó, thời Lò Lệt đã xuất hiện lá cờ đuôi nheo màu đen tượng trưng *nước*, xung quanh viền vải đỏ cát lượn sóng. Ở giữa là hình tượng rắn hổ mang (*Ngu Háu*) trắng, trong tư thế đương bơi trong lòng nước. Trên đầu rắn có mào đỏ uốn hình vòng bay về phía sau. Măt rắn cát tròn điểm vào như một dấu chấm đỏ trên phần đầu, nhỏ nhẹ. Không biết vào thời Lò Lệt, người ta đã sử dụng lá cờ này như thế nào? Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, lúc tác giả 10 tuổi, vẫn còn thấy người ta dựng lá cờ này trong các gian thờ cúng tổ tiên ở các nhà sàn quý tộc đứng đầu *châu mường*: Thuận Châu, Mường La (thị xã Sơn La) và Mai Sơn; hoặc còn dựng trong miếu thờ cụ chủ Lò Lệt ở khu gò Đon Cang phía đầu ao lớn Mường Muối. Lá cờ ấy vẫn mang tên truyền thống tâm linh cụ chủ Hổ mang (Pú châu Ngu háu). Theo chu kỳ năm, vào dịp lễ hội *Xên mường*, người ta dựng ngọn cờ này tại mặt tiền của bàn cỗ lớn "cúng thần mường". Trong dịp ấy lá cờ như được dịp tung bay trước gió, hoà cùng tiếng *cong mường*, chiêng cồng, chũm chọe rộn ràng một cuộc múa xoè vòng tập thể, thật vui thay.

3. Người Ngu Hồng.... vào rừng - từ câu chữ này có thể đối chiếu, suy xét và đoán định để hiểu biết về lịch sử như sau:

* Về sự kiện ghi trong *Quam tô mường*: Lò Lệt, Ngu Háu cử Tào Piêng, Tào Náy đem quân đến Xong Nạt Tát Te đòi cống nạp, bị quân triều đình đánh. Sau đó Lò Lệt - Ngu Háu chạy sang nương nhờ vua Lào Souvana Khămphông, xảy ra đúng vào năm 1329, năm vua Trần Minh Tông cất quân đánh Ngu Hồng ở Đà Giang như đã dẫn.

Lò Lệt - Ngu Háu có 9 con trai: Ái Ún, Con Mương, Bun Phương, Nhộc Nha Lư, Xen Chiềng Đi, Tào Piêng, Han Phai Tong, Tào Náy, Ta Cầm. Khi ông đưa gia quyến sang nương nhờ vua Lào, thấy vắng mặt hai người con là Con Mương và Tào Náy. Về Con Mương thì đã rõ là đương theo nhà vua ở dưới xuôi. Tào Náy cùng Tào Piêng đem quân đi đòi cống ở Xong Nạt Tát Te thì chưa thấy nói trở về để cùng cha sang đánh ở

Lào. Đối chiếu với đoạn ghi chép về sử Việt Nam ở trên, có thể đoán rằng, vào những năm 1329-1337, Tào Náy vẫn ở lại Xong Nạt Tát Te để tiếp tục công việc chống lại quân triều đình (!).

* Trại **Chiêm Chiêu** - Có thể là địa danh ghi theo cách phiên âm chữ Hán, đọc theo âm Hán - Việt, tên tiếng Thái đặt cho đất Mường Xang (Mộc Châu) thời đó là **Chăm Kiêu** như đã dẫn ở trên (!). Điều suy đoán này có thể có lý khi biết đạo quân của vua Trần xuất phát từ Thanh Hoá kéo vào Đà Giang thì vị trí địa lý tiếp cận đầu tiên của Ngưu Hống (Ngưu Hâu) chắc là đất Mường Xang (tức Chăm Kiêu) như đã dẫn (!).

* *Người Ngưu Hống đưa thư đến giả hàng...* Nếu đúng sự kiện được sử sách ghi chép đó thì chắc chắn người Thái ở Tây Bắc thuở ấy không biết chữ Nho - Hán. Vỡ, thư ấy phải viết bằng chữ Thái để dâng lên Minh Hoàng. Người đọc hiểu và dịch lá thư ấy, chẳng phải ai khác ngoài Con Mương, con trai thứ hai của Lò Lệt - Ngưu Hâu - quý tộc Thái Đen duy nhất đương được triều đình trực tiếp dạy bảo "lý làm người" (!).

4. *Mãi đến.... mới yên* - từ câu chữ này, ta có thể đối chiếu sự kiện và rút ra những hiểu biết sau:

* Địa danh **Trịnh Kỳ** là phiên âm chữ Hán đọc theo âm Hán - Việt tên gọi **Chiềng Ký** hay Mường Chiềng Ký. Đây là địa danh tiếng Thái, chỉ huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình hiện nay. Trong *Quam tô mương*, có tên gọi *Xong Nạt Tát Te* nay xác định không phải địa danh. Khi dịch sang tiếng Việt vào năm 1961 vì chưa biết đích xác nên tôi tạm viết hoa để coi như tên riêng. Giờ nghiên cứu đối chiếu lại, thấy đây chẳng qua là cụm tính từ chỉ không gian một vùng đất - "*xong nạt*" (hai bên bờ), "*tát te*" (thác sông Đà). Ta hoàn toàn có thể diễn đạt lại cho lộn nghĩa: "*hai bên bờ sông Đà chỗ có thác lớn*". Cụm tính từ này hoàn toàn phù hợp, vì trước đây, khúc sông Đà chảy qua huyện Đà Bắc có Thác Bờ (*Tát Tạng Bơ*) rất nổi tiếng, cao, hiểm trở. Nay con thác lớn này đã chìm dưới đáy hồ thủy điện Hoà Bình. Vậy, Trịnh Kỳ (tức Mường Chiềng Ký nay là huyện Đà Bắc) nằm trong không gian được *Quam tô mương* miêu tả "*hai bên bờ sông Đà chỗ có thác lớn*" (*xong nạt tát Te*), nơi mà "*năm Đinh Sửu*" (1337) tướng nhà Trần là *Hương Hiếu Vương chém được thủ đảng Ngưu Hống*" (như đã dẫn ở trên).

Theo *Quam tô mương*, khi Lò Lệt - Ngưu Hâu sang Lào, Con Mương lên làm thủ lĩnh Mường Muối thay cha ⁽¹⁰⁾. Rất có thể đây là ý định hay sách lược của vương triều Trần đối với trung tâm Mường Muối nói riêng và với miền Tây Bắc nước ta thời đó nói chung cũng nên (!).

Và người được là "thủ đảng Ngưu Hống" ấy rất có thể là Tào Náy (!). Bởi vì người con trai này của Lò Lệt - Ngưu Hâu đã biệt tăm từ khi cùng anh trai là Tào Piêng

cầm quân đến "hai bên bờ sông Đà chỗ có thác lớn" để đòi cống nạp và bị quân triều đình đánh (?)

* Lò Lẹt - Ngu Háu sang Lào không chỉ nương nhờ mà còn giúp vua Souvana Khămphông chỉ huy quân dẹp giặc nước (11). Sau đó thái tử Phi Phạ con trai Souvana Khămphông lấy nàng Thidinạt Kéochomcăm con gái nuôi của Lò Lẹt - Ngu Háu làm vợ. Nhân đó, vua Lào đã tiến cử ông giữ chức lớn Xen Khoa. Nhưng ông khước từ không nhận. Vua Lào bèn tiến cử các con trai ông giữ chức đứng đầu hàng quan tả, hữu trong triều. Trong đó, Nhóc Nha Lư con trai thứ 4 của ông, được nhậm chức đứng đầu cánh tả, trực tiếp trông coi dải đất dọc hai bên bờ sông Mã và Mường Thanh. Chắc ông đã nghĩ đây là dịp tốt nhất để có thể chính thức thu hồi lại miền Tây rộng lớn, đương nằm trong phạm vi ảnh hưởng vương quốc Lào, về với trung tâm Mường Muối nói riêng và cương vực Việt Nam dưới thời hai vua Trần Anh Tông - Trần Minh Tông (1292-1341) nói chung.

Năm 1329, trở về quê hương bản quán, Lò Lẹt - Ngu Háu tiếp tục xây dựng *bản mường*, dần dần nâng vị trí Mường Muối tiến tới thành trung tâm thu hút các mường lớn, nhỏ ở vùng Tây Bắc quy thuận triều đình.

Ít lâu sau, viện cố tuổi già sức yếu, ông đã cho dựng nhà và đi nghỉ tại Đon Muôn, Mường Sại, tức xã Chiềng Muôn, Thuận Châu, Sơn La ngày nay. Con Mương tuy là con, nhưng lại là bầy tôi của nhà Trần, ông cho tiếp tục làm người đứng đầu Mường Muối. Giúp việc Con Mương thời đó còn có em là Xen Chiềng Đi. Ta Cầm là con út, ông cho đi làm thủ lĩnh Mường Quài tức huyện Tuần Giáo - Điện Biên ngày nay. Ta Cầm đã đóng đại bản doanh tại Mường Huák (nay là xã Chiềng Sinh - Tuần Giáo) nên người đương thời thường gọi là Huák - Quài. Đây là cửa ngõ tiếp cận vương quốc Lào. Nói về vị trí xung yếu của Huák - Quài, sử thi Táy Pú Xóc có câu:

"... Ta Cầm được đến ở	".... Ta Cầm háu mưa dủ
Đến ở trên cánh đồng Huák-Quai	Mưa dủ tông Huák-Quai
Ngửa mặt với đất Lào, chặn giặc..."	Hai nả xáur đin Lao, hộp xóc"... (12)

Theo *Quam tô mương* "... Cự chủ Ngu Háu sống ở Đon Muôn 6 năm thì qua đời..." (13). Như vậy ta có thể cho rằng, ông mất vào năm 1346.

II. VỀ THỜI TA CẦM VÀ TA NGÀN

Vào năm 1353, vua Phạ Ngùm, cháu đích tôn của Souvana Khămphông đã chính thức lập ra vương quốc Lạn Sạng (Triệu Voi) đóng đô ở Mường Luông Prabang, *Quam tô mương* thường gọi là Mường Chiềng Đông - Chiềng Tong. Trong lúc nước Lào dưới thời

Pha Ngùm đang thịnh trị, thì nước ta, vương triều Trần bước vào thời suy vong. Điều đó được đánh dấu vào năm Trần Dụ Tông hiệu Đại Trị nguyên niên (1358) trở đi, Thượng hoàng Minh Tông mất rồi, việc chính trị trở nài... (14).

Khi Lò Lẹt - Ngu Háu mất, các con trai của ông đã bị chia rẽ nghiêm trọng. Lợi dụng việc làm lễ tang cho cha. Ái Ún, Bun Phương, Nhộc Nha Lư, Tạo Piêng, Han Phai Tong đã dựa vào thế mạnh của vua Pha Ngùm kéo quân hai bên bờ sông Mã và Mường Thanh đến đông ngập Mường Muối như tỏ ý đe dọa. Ở Mường Muối lúc đó chỉ có Con Mương, Xen Chiềng Đi và Ta Cầm lực lượng của ba người mỏng nên đã tỏ ra nao núng trước hành động ông anh Ái Ún và các ông em nữa. Không thể chịu nổi sức ép, Con Mương đã xuôi về tâu triều đình. Vua Trần Dụ Tông (1341-1369) thời đó đã không thể đem lực lượng để hỗ trợ bầy tôi của mình trở lại Mường Muối mà đưa Con Mương theo sông Hồng đến ở Mường Váy - Mường Cái, tức khu vực xung quanh thành phố Lào Cai ngày nay (15).

Làm lễ tang Lò Lẹt - Ngu Háu xong, vua Pha Ngùm đã lệnh cho Ái Ún, Bun Phương, Nhộc Nha Lư, Tạo Piêng, Han Phai Tong rút quân về Lào ngay. Việc làm vội vàng ấy, âu cũng là vì nể sợ vua đất Việt (!). Mường Muối tạm giao cho viên quan người Lào tên là Cho Ngôm nắm giữ. Bất bình trước sự sắp xếp của vua Lào, Xen Chiềng Đi đã sang Mường Váy - Mường Cái đón anh mình là Con Mương về bắt giết Cho Ngôm. Vua Pha Ngùm tức giận, phái ngay một "viên tướng lớn" (*phôn luông*) kéo đại binh sang Mường Muối bắt giết Con Mương và rút ngay về nước.

1. *Bô lão Mường Muối tôn Ta Cầm lên làm người đứng đầu.* Ông đã khôn khéo trong việc xây dựng *bản mường*, vừa quan hệ mềm dẻo với vua Lào, vừa giữ đúng kỷ cương phép nước với vương triều Trần. Trong thế đó, vua Lào vì nể sợ vua Việt nên cũng tôn trọng Ta Cầm Mường Muối. Vua Lào đã chính thức phong đất từ: "... *Hin Song phong, Hin Khoang Cang Lụp, Pha Ha, Chiềng Sét, Xóp Ét, dọc theo hai bờ sông Mã đến Mường Huák - Mường Quài cho Mường Muối...*" (16). Thời bấy giờ, nhà Trần vẫn gọi Mường Muối là Mỗi Châu. Nhà vua cũng thừa nhận vùng đất do Ta Cầm cai quản, so với ngày nay gồm **Thuận Châu** - Mường Muối (Mỗi Châu), thị xã Sơn La, huyện Mường La - Mường La, huyện Mai Sơn - Mường Mụa, huyện Tân Giáo - Mường Quài; Hua Phăn (Mường Ét, Mường Sơn, Mường Sầm) - thuộc Lào; huyện Sông Mã (Sơn La) và Song Thanh (Thành phố Điện Biên, huyện Điện Biên, Điện Biên Đông).

Trong phạm vi đất đai thuộc Mường Muối thời đó nổi lên địa điểm xung yếu:

* Ông không đụng chạm gì tới đất **Song Thanh** vì tuy mang danh nghĩa thuộc Lào nhưng lại do anh ruột của mình là Nhộc Nha Lu kiêm giữ nên thực chất vẫn còn là đất của **Mường Muối**.

* Ta Ngần là con đầu của mình, Ta Cầm cho đi ở **Mường Lâm** để trông coi toàn bộ đất thuộc dải hai bên bờ sông Mã đến tỉnh Hua Phấn ngày nay. Đây là vị trí cửa ngõ tiếp cận với đất Lào, cần có người tài như Ta Ngần mới giữ được bề yên.

* Ta Đếch - đi làm người đứng đầu **Mường La**, cùng con út là Xong Khuôn giữ Mường Bú, trông coi vùng đất dọc sông Đà, tạo thành cánh tả của Mường Muối. Bên *phải* tiếng Thái gọi là *khoa* nên Mường La thời đó còn được gọi là Mường Khoa La.

* Ta Tòng - con thứ ba đi làm người đứng đầu **Mường Mụa** (Mai Sơn). Đây là vùng đất giữ vị trí cửa ngõ thân thiện với Mường Vạt, Mường Xang. Vì vậy ông phải lo sao cho khỏi đụng chạm để triều đình hiểu lầm là làm loạn như thời cha Lò Lệt - Ngu Háu.

* Tào Ten - con thứ bảy đi làm người đứng đầu Chiềng Muôn, tạo thành cánh tả Mường Muối. Bên *trái* tiếng Thái là *xai* nên gọi là **Mường Xai**.

Ta Cầm có hai con gái nổi tiếng nhan sắc "... *Nàng Nọi ông gả về đất Kinh, Nàng Muối gả cho Un Hươn - Xen Tay Nho Chau*"... ⁽¹⁷⁾, hoàng tử con vua Pha Ngùm.

Khi tuổi đã cao, Ta Cầm có ý chuyển vị trí đứng đầu mường cho con trai đầu của mình là Ta Ngần. Buổi đầu, Ta Ngần từ chối vì chưa có vợ và cũng chưa tiến hành "lễ cúng trời cúng then" (*xên khừn phạ ngấn then*). Từ lâu, Ta Cầm đã muốn gây thân thiện và nhân đó thu phục thế lực Mường Lay nên đã cử đoàn lên ăn hỏi và cưới nàng Xen Mương, con gái thủ lĩnh Pét lạn Tảnghéngxmơica về làm vợ Ta Ngần. Từ đó Mường Lay trở thành địa văn hoá mang quan hệ thân thuộc mà thuật ngữ hệ thống thân tộc Thái gọi là **lung ta** với Mường Muối là **nhinh xao**. Đây là quan hệ mang nghĩa tâm linh gắn bó sâu sắc được người đời gọi bằng tục ngữ "*bản lung mường ta; bản nhinh mường xao*".

Ta Cầm lên dựng nhà ở Mường Quài, bên con trai thứ năm của mình là Ta Đăm. Ông qua đời vào năm Táo Chầu, tức Nhâm Quý - 1372, tương đương với đời vua Trần Duệ Tông, niên hiệu Long Khánh nguyên niên.

Ở bên Lào, vua Pha Ngùm mất vào năm 1373, vua Un Hươn lên thay. Năm 1376 vua cho điều tra dân số trong nước, có 30.000 người Thái nên lấy niên hiệu là Phaya Sam Sen Thay. Vua này còn có tên gọi là Khun Bun.

2. *Ta Ngần thay cha tiếp tục xây dựng bản mường*. Thời Ta Ngần ta thấy nổi lên những sự kiện lịch sử như sau:

* Xiết chặt sự thống nhất khu vực trung tâm: Mường Muối, Mường La, Mường Mạ. Khi Ta Cầm mắt, Ta Ngần đã đưa thư cho người báo để hai em là Ta Đếch (Mường La), Ta Tòng (Mường Mạ) lên làm lễ tang cha. Không ngờ, hai ông em này không những khước từ mà còn chạy lên Mường Lay, Mường Là (Kim Bình - Vân Nam - Trung Quốc thời nay) kéo quân xuống quấy phá *bản mường* và ép ông anh phải chuyển ngôi vị thủ lĩnh Mường Muối cho Ta Đếch. Lúc đó Ta Ngần đang lo việc tang cha ở Mường Quài. Tức quá, bà Xen Mường mới ra đứng trên sàn nhà cao gióng tiếng mắng quân Mường Lay, Mường Là đã vi phạm điều tối kỵ trong văn hoá luật tục Thái: "... Các người có còn là người nữa không? Các người không biết **nhinh xao** đang tang gia bói rôi hay sao? Bản **lung** mường **ta** lại thế à? Hành động các người có khác nào: "trồng cây tự tước vỏ, trồng dâu tự phá" hay sao? Có mau rút về không thì bảo..." (18). Quân Mường Lay - Mường Là sợ quá bèn rút về quê. Ta Ngần đành phải cùng hai em là Cầm Nậm Nậm và Ta Đăm thu xếp tang lễ cho cha, vắng Ta Đếch, Ta Tòng. Việc xong xuôi, ông mới sang nói với vua Xam Xen Tay ở Mường Luông. Nhà vua cho quân giúp trừ được Ta Đếch và xử lý cách chức Ta Tòng, đưa Mường La, Mường Mạ lại với Mường Muối.

* Thời đó, ở phía bắc, các thế lực thống trị Mường Lay, Mường Tiêng, Chiềng Khem, Mường Chúp, Mường Mi... đã dùng vũ lực, tranh chấp lẫn nhau để tranh quyền bá chủ. Thủ lĩnh Mường Lay Pét Lạn Tãnghéngxmoica đã nhiều lần chạy xuống Mường Muối cầu cứu Ta Ngần. Sau khi suy xét kỹ Ta Ngần đã phái thủ hạ tin cẩn của mình là Phatumehạng lên tìm mọi cách giảng hoà. Sau hơn một năm làm việc, Phatumehạng đã mời được các người đứng đầu mường lớn như: An Nham, An Păn, Tào Nỏi, Tào Nhay, Tin Tong, Tào Cuông tới gặp Pét lạn Tãnghéngxmoica ở Mường Lay để bàn bạc. Do thu xếp mọi quan hệ khôn khéo Phatumehạng đã tổ chức được lễ lớn để các thủ lĩnh vào "nhỏ máu ăn thề" (*pang sắc lượt kin mang cang tó*). Từ nay trở đi không tranh chấp gây cảnh tương tàn, "bản ai người ấy xây, mường ai người ấy dựng". Mọi mường đều quy tụ về Mường Muối. Họ tự nguyện hàng năm dâng vật cống Mường Muối để Ta Ngần lựa chọn đem về xuôi tiến vua đất Kinh (19).

* Cũng vào thời gian đó, ở Chiềng Ten, Chiềng Tùm đất Lào có giặc từ bên ngoài vào quấy rối. Vua Xam Xen Tày đã cho người sang xin Ta Ngần giúp. Thế không thể từ chối được, Ta Ngần phải cử con đầu của mình là Pha Nhù và em út là Xong Khuôn đưa quân Mường Muối sang cùng vua Lào đánh đuổi giặc. Sau trận thắng lớn ở Chiềng Ten, Chiềng Tùm, vua Lào Xam Xen Tay rất kính nể Ta Ngần. Thế lực của Mường Muối trở nên hùng mạnh hơn lúc nào hết. Vua Xam Xen Tay coi các mường lớn nhỏ quy tụ Mường Muối là "bản anh mường em" (*bản pi mường nọng*) nên đã đem hai thớt voi

mang tên Cả (hùng) và Han (dũng) có đôi ngà vắt chéo bọc bạc, bọc vàng cùng hai quân tượng giới sang biểu Ta Ngàn. Cùng với việc đó, vua Xam Xen Tay đã chính thức phong dải đất hai bên bờ sông Mã thời đó được gọi là Hin Xong Phòng và Mường Thanh (Song Thanh) cho Mường Muối để Ta Ngàn cai quản. Nhận được đất, mừng, voi Ta Ngàn đã xuôi về tiến vua Kinh. Có một tập *Quam tô mương*, sưu tầm ở Mường Piêng tháng 3-1971, ghi rõ là vua Thuận (Thuần, Thuận) Tông (²⁰). Nay đối chiếu thấy ứng với vua Trần Thuận Tông niên hiệu Quang Thái (1388-1398). Các bản *Quam tô mương* khác đều chép là vua Thái Tổ, Thái Tông, thậm chí còn điền thêm họ Lê. Việc nhầm lẫn này có thể do hai nguyên nhân tác động tới người sao chép. Một là, tên các vua Trần ở thời Ta Ngàn đều có chữ *Tông* (Nghệ *Tông*, Thuận *Tông*) và hiệu của Thuận Tông lại là Quang *Thái*. Hai là, vào thời Ta Ngàn, vương triều Trần đã ở vào giai đoạn mạt kỳ. Ngược lại, nhà Hậu Lê đã xuất hiện sau chiến thắng giặc Minh xâm lược, khôi phục nền độc lập tự chủ cho đất nước - 1428. Triều đại mới đang phát triển danh tiếng. Thực ra Ta Ngàn chỉ có thể tương đương với vua Xam Xen Tay (1373-1416). Đến đời vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông (1428-1442) thì Ta Ngàn đã qua đời lâu rồi.

* Thời Ta Ngàn, vương triều Trần đang suy thoái nghiêm trọng. Tuy Trần Thuận Tông làm vua, nhưng thái thượng hoàng Trần Nghệ Tông vẫn điều khiển việc nước "... *Nghệ Tông là vua rất tầm thường, chí khí không có, trí lực cũng kém hèn, để cho kẻ gian thần lừa đảo, giết hại cả con cháu, họ hàng, xa bỏ những người trung thần, nghĩa sĩ; cứ yên dùng một Quý Ly, cho được quyền thế, đến nỗi làm xiêu đổ cơ nghiệp nhà Trần...*" (²¹),

Mặc dù vậy, Ta Ngàn vẫn tình nguyện đưa miền Tây Bắc do mình cai quản vào cương vực triều đình Việt Nam. Có lẽ vì thế nên nhà Trần sau đó là Hồ Hán Thương đã cho Ta Ngàn được làm chúa để thừa lệnh trông coi vùng Tây Bắc. Vùng đất rộng lớn ấy so với khu vực ngày nay, ta có thể kể tới như sau: *Phía đông* gồm một dải đất nằm ở hữu ngạn sông Thao thuộc Yên Bái, Lào Cai ngày nay; *Phía Tây* là dải đất thuộc hai bên bờ trung và thượng lưu sông Mã, phần thuộc Lào, phần thuộc Việt Nam, kéo suốt lên qua Điện Biên (Mường Thanh) đến đầu sông Nậm U thường gọi là Mường U - Pù Phang. *Phía Nam* là miền đất có người Mường, thuộc tỉnh Hoà Bình thường gọi là Nậm Dọi Chọi Pu - Mường Pi, Mường Sàng; *Phía Bắc* có các *mường lớn* được triều đình đặt thành đơn vị hành chính *châu*. Người Thái gọi là *châu mường*. Châu Tung Lãng (người Thái gọi là Mường Tung hay Mường Ai), châu Hoàng Nham [Mường Hoang hay Mường Ôm (Ấm)], châu Lễ Tuyên (Mường Tiêng), châu Khiêm (Mường Chiềng Khem), châu Phụng hay Tuy Phụ (Mường Chúp), châu Hợp Phi (Mường Hỏ Mi hay Mường Mi). Các *châu*

mường này chính thức nhập vào bản đồ Trung Quốc năm 1884, sau hiệp ước Thiên Tân, ký giữa chính quyền Pháp ở Đông Dương với triều đình Mãn Thanh, Trung Quốc.

Triều đình còn gọi Mường Muối là Thuận châu có nghĩa là quy thuận nhà vua.

Vị trí chiến lược của miền Tây Bắc ngày ấy đã được triều đình và người đương thời đánh giá rất cao. Điều đó thể hiện trong bài phú "*Thiên Hưng trấn*" của danh nho Nguyễn Bá Thống cuối đời Trần sang Hồ. Trong đó có đoạn ghi: "... *Quan ải Ai Lao liên lạc tiện đường. Biên giới Vân Nam không chế mọi mặt. Đây là nơi xung yếu của Bách Man (tên gọi người thiểu số thời đó - TG), cửa ngõ của Lùc Chiếu (chỉ Nam Chiếu thời nhà Đường - TG), che giữ các trấn như giậu như phen. Án ngữ miền thượng du làm then làm chốt...!*"⁽²²⁾.

Ta Ngàn là vị thủ lĩnh nổi tiếng trong lịch sử người Thái ở Tây Bắc Việt Nam nhờ đạt được thành tựu "vua Kinh tin dùng, vua Lào mến phục" (*pua Keo ha, pua Lào hặc*). Đối với nhà vua ông là bầy tôi trung thành. Đối với vua Lào ông luôn giữ được thế hữu nghị, không lệ thuộc. Ông mất vào năm 1418, sau vua Xăm Xen Tay ở Lào 4 năm.

Hiện nay ta thấy ao lớn (*nong luông*) ở thị trấn Thuận Châu là di tích văn hoá tâm linh thời Ta Ngàn. Chiếc ao này, Ta Ngàn đã tập hợp "Mười sáu Châu Thái" (*Xíp Hốc Chau Tay*) cùng các mường lớn nhỏ khác để đào nhằm tạo ra không gian chứa đựng thần **mẹ rồng - nước**, được cụ thể hoá bằng Cụ chủ Rắn hổ mang (*Pú châu Ngu Háu*) tức khí thiêng của mường.

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2005

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. *Quam tô mường* - Các văn bản chữ Thái suu tầm ở: Mường Muối (Thuận Châu), Mường Quài (*Tuần Giáo*), Mường Thanh (*Điện Biên*), Mường Chanh, Mường Mạ (*Mai Sơn*), Mường Lò (*Văn Chấn*) trong thập niên 50 thế kỷ XX.

Những niên đại lịch sử dùng trong bài viết này rút ra từ sự so sánh giữa ba nguồn tài liệu: Các nguyên bản *Quam tô mường* bằng chữ Thái với các sách sử Việt Nam như cuốn *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, nhà xuất bản (Nxb) Đà Nẵng 2003. *Biên niên sử nước Lào* của Paul le Boulanger, nhà học giả người Pháp viết trong những năm 30 của thế kỷ XX.

2. Trần Trọng Kim - *Việt Nam sử lược*, Nxb Đà Nẵng 2003, trang 153-159 về các niên đại vua đời nhà Trần.

3. Cầm Trọng - *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam* - Nxb Khoa học Xã hội, trang 40-41
4. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái sưu tầm ở Mường Muối, Mường La
5. Thư Cụ chủ Ngu Háu gửi nàng Pu Cầm ở Mường Lay (*Xư Pú châu Ngu Háu phák nang Pu Cầm dú Mường Lay*) bản chữ Thái sưu tầm ở Mường Muối năm 1968.
6. Lương Văn Nhan - Ông mo nương cuối cùng của Mường Xang (*Mộc Châu*) kể - tác giả ghi vào năm 1963
7. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái sưu tầm ở Mường Piềng (*xã Chiềng Khoang, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*) tháng 3-1971
8. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái sưu tầm ở Mường La, đã dẫn
9. Trần Trọng Kim - sách đã dẫn, trang 159
10. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái sưu tầm ở Mường Muối, đã dẫn
11. *Quam tô nương* - Các bản tiếng Thái sưu tầm ở: Mường Muối... đã dẫn đều chỉ ghi là Cụ chủ Ngu Háu giúp vua Lào đánh thắng giặc, không biết giặc gì. Năm 1987, tác giả có dịp gặp và trao đổi khoa học với tiến sĩ người Pháp tên là Amphay Doré chuyên nghiên cứu lịch sử nước Lào thì nói là Châu Ngu Háu đã giúp vua Lào Souvana Khamphong đánh đuổi quân xâm lược Mông Cổ mà ta thường gọi là Nguyên Mông (!)
12. *Táy Pú Xóc (Những bước đường chinh chiến của cha ông)* bản tiếng Thái của Mường La.
13. *Quam tô nương* - bản chữ Thái sưu tầm ở Mường Muối, đã dẫn
14. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Tập I, Nxb KHXH Hà Nội 1971, trang 226-229.
15. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) Cầm Trọng, Khả Văn Tiến, Tông Kim Ân - *Tư liệu lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb KHXH, trang 422
16. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái của Mường Muối, Mường La - đã dẫn
17. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái của Mường La - đã dẫn
18. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái của Mường Muối, Mường La đã dẫn
19. *Quam tô nương* - bản tiếng Thái sưu tầm ở Mường Piềng - đã dẫn
20. Trần Trọng Kim - sách đã dẫn

21. Nguyễn Bá Thống - *Phú Thiên Hưng trấn* - bản chữ Hán, lưu trữ ở Viện Hán Nôm - Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Bản dịch tiếng Việt của Ngô Thế Long. Ban Dân tộc Khu uỷ Tây Bắc cũ, năm 1971.